

**Công ty Cổ phần Dầu khí
Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 23

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8 số 3601010336 cấp ngày 24 tháng 2 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Giang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Duy Hoà	Thành viên
Ông Đào Đức Mạnh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Sỹ Quyết	Tổng Giám đốc
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàn Sơn.

Ông Hoàng Sỹ Quyết được Ông Phạm Hoàn Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số 58/UQ-PAP ngày 14 tháng 3 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 18 tháng 5 năm 2021

Số tham chiếu: 61606839/22095683-PL2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") được lập ngày 18 tháng 5 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 23 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 chưa được kiểm toán. Theo đó, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và một số thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ liên quan cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020, được trình bày như dữ liệu tương ứng, chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám Đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Nguyễn An Khang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4611-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 5 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		58.589.449.722	53.082.042.684
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	50.673.199.600	46.752.285.141
111	1. Tiền		5.553.199.600	1.632.285.141
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.120.000.000	45.120.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.240.200.343	5.745.669.716
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	6.230.805.000	5.301.840.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.009.395.343	443.829.716
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		676.049.779	584.087.827
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		595.170.979	551.260.368
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	80.878.800	32.827.459
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.479.114.206.375	1.223.386.796.921
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.871.366.000	3.871.366.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	5	3.861.366.000	3.861.366.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	10.000.000	10.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.931.456.886	2.103.796.418
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.931.456.886	2.103.796.418
222	Nguyên giá		6.320.113.089	6.320.113.089
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.388.656.203)	(4.216.316.671)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		41.733.000	41.733.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.733.000)	(41.733.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.473.311.383.489	1.217.411.634.503
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.473.311.383.489	1.217.411.634.503
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	9	-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.000.000.000	8.000.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.537.703.656.097	1.276.468.839.605

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.850.543.507	165.944.727.015
310	I. Nợ ngắn hạn		15.850.543.507	165.944.727.015
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		249.097.528	133.200.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	-	148.870.936
314	3. Phải trả người lao động		310.886.325	-
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	11	13.445.191.256	15.138.487.681
320	5. Vay ngắn hạn		-	148.631.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.845.368.398	1.893.168.398
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.521.853.112.590	1.110.524.112.590
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	1.521.853.112.590	1.110.524.112.590
411	1. Vốn cổ phần		1.500.000.000.000	1.100.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.500.000.000.000	1.100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.934.000.000	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.285.641.372	9.285.641.372
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.069.929.634	2.069.929.634
421	5. Lỗ lũy kế		(1.436.458.416)	(831.458.416)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(831.458.416)	(14.772.126.585)
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuần kỳ này		(605.000.000)	13.940.668.169
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.537.703.656.097	1.276.468.839.605

Dương Thị Tú Anh
Người lập / Kế toán trưởng

Ngày 18 tháng 5 năm 2021



Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	13	-	8.831.446.894
26	2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	(110.000.000)	(4.346.720.992)
30	3. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(110.000.000)	4.484.725.902
32	4. Chi phí khác	15	(495.000.000)	-
40	5. Lỗ khác		(495.000.000)	-
50	6. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(605.000.000)	4.484.725.902
51	7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.1	-	-
60	8. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(605.000.000)	4.484.725.902
70	9. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.5	(4)	41
71	10. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.5	(4)	41


Dương Thị Tú Anh
Người lập / Kế toán trưởng


Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(605.000.000)	4.484.725.902
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	7	172.339.532	172.339.500
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(8.831.446.894)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(432.660.468)	(4.174.381.492)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(674.957.496)	1.067.875.762
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.531.281.036)	501.400.382
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(47.800.000)	(99.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(2.686.699.000)	(2.704.105.348)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(256.712.816.458)	(946.651.182)
27	Tiền thu lãi và cổ tức		17.429.917	8.958.182.114
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(256.695.386.541)	8.011.530.932
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	12.1	411.934.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(148.631.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		263.303.000.000	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		3.920.914.459	5.307.425.584
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		46.752.285.141	719.960.366.559
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	50.673.199.600	725.267.792.143



Dương Thị Tú Anh
Người lập / Kế toán trưởng



Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 5 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 5 năm 2008, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 8 số 3601010336 cấp ngày 24 tháng 2 năm 2021.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác cảng và khu dịch vụ hậu cần cảng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 là 16 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 30).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được giữa niên độ lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Phương tiện vận tải	1 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.6 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng, triển khai dự án và các chi phí trực tiếp khác.

3.8 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.9 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.11 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế hoãn lại

Thuế hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Thuế hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	237.987.651	122.767.082
Tiền gửi ngân hàng	5.315.211.949	1.509.518.059
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>45.120.000.000</u>	<u>45.120.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>50.673.199.600</u>	<u>46.752.285.141</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 3 (ba) tháng và hưởng lãi suất là 4,70%/năm.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	6.230.805.000	5.301.840.000
Công ty TNHH Kiên Giang Composite	3.280.000.000	3.280.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật biển	1.282.930.000	734.030.000
Công ty TNHH MTV Môi trường Phước An Khang	659.175.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	552.000.000	552.000.000
Khác	456.700.000	735.810.000
Dài hạn	3.861.366.000	3.861.366.000
Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Nga Sơn	<u>3.861.366.000</u>	<u>3.861.366.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.092.171.000</u>	<u>9.163.206.000</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	1.009.395.343	443.829.716
Tạm ứng	583.000.000	-
Lãi tiền gửi	320.295.343	337.725.260
Khác	106.100.000	106.104.456
Dài hạn	10.000.000	10.000.000
Ký quỹ, ký cược	<u>10.000.000</u>	<u>10.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.019.395.343</u>	<u>453.829.716</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020	3.908.403.636	2.060.751.818	350.957.635	6.320.113.089
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	2.003.751.818	320.693.999	2.324.445.817
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	(1.845.635.056)	(2.028.858.945)	(341.822.670)	(4.216.316.671)
Khấu hao trong kỳ	(162.850.152)	(2.035.713)	(7.453.667)	(172.339.532)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	(2.008.485.208)	(2.030.894.658)	(349.276.337)	(4.388.656.203)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.062.768.580	31.892.873	9.134.965	2.103.796.418
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	1.899.918.428	29.857.160	1.681.298	1.931.456.886

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Cảng Phước An. Chi tiết như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	1.348.411.807.292	1.098.411.807.292
Chi phí triển khai dự án	45.945.502.509	44.362.003.836
Thiết kế bản vẽ thi công	18.511.134.534	18.511.134.534
Rà soát bom mìn	17.815.764.040	16.100.764.040
Khảo sát địa chất	15.864.651.865	15.864.651.865
Lập dự án đầu tư	11.458.463.203	11.458.463.203
Khác	15.304.060.046	12.702.809.733
TỔNG CỘNG	1.473.311.383.489	1.217.411.634.503

(*) Trong kỳ, Công ty đã chuyển 250.000.000.000 VND cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ đền bù và giải phóng mặt bằng theo Công văn Số 35/TTPTQĐ ngày 29 tháng 1 năm 2021.

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa khoản chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay nhằm tài trợ cho việc phát triển và xây dựng Dự án Cảng Phước An với số tiền là 2.353.663.507 VND (kỳ trước: không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (*)		
Giá gốc	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng	<u>(8.000.000.000)</u>	<u>(8.000.000.000)</u>
Giá trị còn lại	<u> -</u>	<u> -</u>

(*) Công ty sở hữu 10% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (“SOPEWACO”), một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy CNĐKDN số 3601050089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 9 năm 2008. SOPEWACO có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, SOPEWACO đang dừng hoạt động.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 3 năm 2021
Thuế thu nhập cá nhân	148.870.936	35.303.861	(232.226.138)	(48.051.341)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(32.827.459)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(32.827.459)</u>
TỔNG CỘNG	<u>116.043.477</u>	<u>35.303.861</u>	<u>(232.226.138)</u>	<u>(80.878.800)</u>
Trong đó:				
Phải thu	32.827.459			80.878.800
Phải trả	148.870.936			-

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) (*)	13.345.884.000	13.345.884.000
Lãi vay phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 17)	-	1.703.582.576
Khác	<u>99.307.256</u>	<u>89.021.105</u>
TỔNG CỘNG	<u>13.445.191.256</u>	<u>15.138.487.681</u>

(*) Khoản này thể hiện phần nhận vốn góp từ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương theo HĐHTKD Số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 8 năm 2011.

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.100.000.000.000	-	9.285.641.372	2.069.929.634	(14.772.126.585)	1.096.583.444.421
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	4.484.725.902	4.484.725.902
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2020	1.100.000.000.000	-	9.285.641.372	2.069.929.634	(10.287.400.683)	1.101.068.170.323
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2020	1.100.000.000.000	-	9.285.641.372	2.069.929.634	(831.458.416)	1.110.524.112.590
Phát hành cổ phần (*)	400.000.000.000	11.934.000.000	-	-	-	411.934.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	(605.000.000)	(605.000.000)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021	1.500.000.000.000	11.934.000.000	9.285.641.372	2.069.929.634	(1.436.458.416)	1.521.853.112.590

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 153/NQ-PAP ngày 27 tháng 1 năm 2021, Công ty đã thông qua việc phát hành 40.000.000 cổ phiếu phổ thông cho các nhà đầu tư cá nhân để tăng vốn cổ phần, với giá phát hành là 10.300 VND/cổ phiếu. Vào ngày 24 tháng 2 năm 2021, Công ty đã nhận được GCNĐKDN thay đổi lần thứ 8 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

12.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 3 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu %	Cổ phiếu thường	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	66.000.000	44,00	66.000.000	60,00
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	35.000.000	23,33	35.000.000	31,82
Cổ đông khác	49.000.000	32,67	9.000.000	8,18
TỔNG CỘNG	150.000.000	100	110.000.000	100

12.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)
Ngày 1 tháng 1	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Phát hành cổ phiếu	400.000.000.000	-
Ngày 31 tháng 3	<u>1.500.000.000.000</u>	<u>1.100.000.000.000</u>

12.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	150.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	150.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	150.000.000	110.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

12.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)</i>
(Lỗ) lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(605.000.000)	4.484.725.902
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	<u>139.666.667</u>	<u>110.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong kỳ	<u>139.666.667</u>	<u>110.000.000</u>
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4)	41
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	(4)	41

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)</i>
Lãi tiền gửi	<u>-</u>	<u>8.831.446.894</u>

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.000.000	1.310.576.323
Chi phí lương	-	2.854.266.184
Khấu hao	-	172.339.500
Khác	-	9.538.985
TỔNG CỘNG	<u>110.000.000</u>	<u>4.346.720.992</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)</i>
Phạt vi phạm hành chính	495.000.000	-

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)</i>
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(605.000.000)	4.484.725.902
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(121.000.000)	896.945.180
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	6.600.000	-
Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước	-	(896.945.180)
Thuế hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến lỗ chuyển sang các năm sau	114.400.000	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

16.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

16.3 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 10.480.032.994 VND (31 tháng 12 năm 2020: 9.908.032.994 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 3 năm 2021	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 3 năm 2021
2018	2023	12.930.119.055	(3.022.086.061)	9.908.032.994
2021	2026	572.000.000	-	572.000.000
TỔNG CỘNG		13.502.119.055	(3.022.086.061)	10.480.032.994

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	Công ty mẹ đến ngày 27 tháng 1 năm 2021	Trả nợ vay Lãi vay	148.631.000.000 2.353.663.507	- -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND	
			Ngày 31 tháng 3 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	Công ty mẹ đến ngày 27 tháng 1 năm 2021	Lãi vay	-	1.703.582.576
Vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Hoành Sơn	Công ty mẹ đến ngày 27 tháng 1 năm 2021	Vay	-	148.631.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Họ và tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 (Chưa kiểm toán)
Hội đồng Quản trị			
Phạm Hoành Sơn	Chủ tịch	8.100.000	8.100.000
Hoàng Sỹ Quyết	Thành viên/ Tổng Giám đốc	171.856.147	150.129.750
Đào Minh Tùng	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	156.325.499	158.136.406
Trần Ngọc Dũng	Thành viên	8.100.000	8.100.000
Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	8.100.000	8.100.000
Ban Tổng Giám đốc			
Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc	-	119.808.318
Ban Kiểm soát			
Bùi Hữu Giang	Trưởng ban	80.822.565	88.134.164
Đào Đức Mạnh	Thành viên	53.800.487	46.848.253
Nguyễn Duy Hoà	Thành viên	5.400.000	5.400.000
		492.504.698	592.756.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Dương Thị Tú Anh
Người lập / Kế toán trưởng



Hoàng Sỹ Quyết
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 5 năm 2021

